

**Phụ lục I**  
**BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC XÂY DỰNG HỒ SƠ**  
**TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định: /2024/QĐ-UBND, ngày / /2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. B1-1-ĐON: Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
2. B1-2a-TMĐTCN Thuyết minh đề tài KH&CN
3. 1-2b-TMĐTXH: Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh.
4. B1-2c-TMDA: Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.
5. B1-2d-TMĐA: Thuyết minh đề án khoa học cấp tỉnh.
6. B1-3-LLTC: Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
7. B1-4-LLCN: Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
8. B1-5-PHNC: Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
9. B1-6-LLTCPHNC: Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ/sản xuất của tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
10. B1-7-CKCN: Bản cam kết bảo vệ bí mật nhà nước của chủ nhiệm nhiệm vụ, cá nhân nước ngoài tham gia nhiệm vụ, chuyên gia tham gia Hội đồng, tổ thẩm định, tổ chuyên gia.
11. Biểu B1-8-CKTVNV: Bản cam kết bảo vệ bí mật nhà nước của thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ.
12. Biểu B1-9-CKTCCT: Bản cam kết bảo vệ bí mật nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ.
13. Biểu B1-10-CKTCPH: Bản cam kết bảo vệ bí mật nhà nước của tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

**TÊN TỔ CHỨC  
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

**Biểu B1-1-ĐƠN**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ  
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi:.....

Căn cứ thông báo số..... của Sở Khoa học và Công nghệ Lai Châu về việc tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh năm 20..., chúng tôi:

a).....

*(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN)*

b).....

*(Họ và tên, học vị, chức vụ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)*

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài hoặc dự án SXTN hoặc đề án...):

.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN: .....

Đề tài hoặc Dự án KH&CN/Độc lập: .....

**Hồ sơ gồm có:**

1. Thuyết minh đề tài theo Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH; dự án SXTN theo Biểu B1-2c-TMDA; đề án theo Biểu B1-2d-TMĐA

2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì theo Biểu B1-3-LLTC;

3. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm<sup>1</sup> và....<sup>2</sup> thành viên chính thực hiện chính theo Biểu B1-4-LLCN;

4. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong và ngoài tỉnh theo Biểu B1-4-LLCN), trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (nếu có thuê chuyên gia);

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện

---

<sup>1</sup> Lý lịch khoa học của Chủ nhiệm nhiệm vụ phải có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự

<sup>2</sup> Ghi số người đăng ký **tham gia chính** thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

nhiệm vụ theo Biểu B1-5-PHCN (nếu có);

6. Các tài liệu khác (theo hướng dẫn tại Điều 4 Quyết định số..../QĐ-UBND, ngày / /2024 của UBND tỉnh Lai Châu để kê khai).

Chúng tôi xin cam kết:

- Những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là chính xác, đúng sự thật;
- Tổ chức đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không vi phạm một trong những điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định số..../QĐ-UBND, ngày / /2024 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu và không đồng thời xin tài trợ kinh phí từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ này.

Nếu phát hiện vi phạm những nội dung nêu trên, chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC**  
**ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN**  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

# THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH<sup>1</sup>

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

### 1. Tên đề tài

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

### 2. Thời gian thực hiện:..... tháng

(Từ tháng        /20... đến tháng        /20...)

### 3. Cấp quản lý: Tỉnh ☐

### 4. Tổng kinh phí thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:

| Nguồn                               | Kinh phí (triệu đồng) |
|-------------------------------------|-----------------------|
| - Từ ngân sách nhà nước             |                       |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước |                       |

### 5. Đề nghị phương thức khoán chi:

|                                                       |                                                     |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng | <input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: |
|                                                       | - Kinh phí khoán:..... triệu đồng                   |
|                                                       | - Kinh phí không khoán:..... triệu đồng             |

### 6. Loại đề tài:

☐ Đề tài KH&CN

☐ Độc lập

☐ Khác

### 7. Lĩnh vực:

☐ Tự nhiên;

☐ Nông nghiệp;

☐ Kỹ thuật và công nghệ;

☐ Y, dược.

---

<sup>1</sup> Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

## 8. Chủ nhiệm đề tài

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh nghề nghiệp<sup>2</sup>:..... Chức vụ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

## 9. Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh nghề nghiệp:..... Chức vụ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

## 10. Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:..... tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng:.....

## 11. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

**11.1. Tên tổ chức 1:**.....

Mã số tổ chức:.....

---

<sup>2</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Tên cơ quan chủ quản.....

**11.2. Tên tổ chức 2:**.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Tên cơ quan chủ quản.....

## 12. Thành viên thực hiện đề tài

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

| TT  | Họ và tên,<br>học hàm, học vị | Chức danh thực hiện<br>Đề tài <sup>3</sup> | Tổ chức công tác |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------|------------------|
| 1   |                               | Chủ nhiệm đề tài                           |                  |
| 2   |                               | Thư ký khoa học                            |                  |
| 3   |                               | Thành viên chính                           |                  |
| ... |                               | Thành viên chính                           |                  |

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

**13. Mục tiêu của đề tài** *(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

### 14. Tình trạng của đề tài

- ☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  
☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

---

<sup>3</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

## **15. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài**

### **15.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài**

**Trong nước** (*Phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*)

.....

**Trong tỉnh** (*Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các thành viên tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó*)

.....

### **15.2. Luận giải về những nội dung cần nghiên cứu của đề tài**

(*Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài tỉnh, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong tỉnh và trong nước, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải về việc cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài, luận giải về những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu. Nếu tổng quan về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để thực hiện đề tài.*)

.....

## **16. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan**

(*Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu tài liệu đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài*)

## **17. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện**

(*Liệt kê và mô tả chi tiết:*

- *Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu của đề tài. Những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu nêu trên;*

- *Chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của*

*các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có;*

*- Nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài tỉnh thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 20)*

**Nội dung 1:**.....

Công việc 1.1:.....

Công việc 1.2:.....

.....

**Nội dung 2:**.....

Công việc 2.1:.....

Công việc 2.2:.....

.....

**Nội dung 3:**.....

Công việc 3.1:.....

Công việc 3.2:.....

.....

## **18. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có).*

.....

## **19. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

.....

## **20. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)**

### **20.1. Thuê chuyên gia trong tỉnh**

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|

|      |  |  |  |  |  |
|------|--|--|--|--|--|
| 1    |  |  |  |  |  |
| 2    |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |

## 20.2. Thuê chuyên gia trong nước

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| 2     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| ....  |                            |               |                     |                                                 |                                     |

## 21. Tiến độ thực hiện

|            | Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu | Kết quả phải đạt | Thời gian (bắt đầu, kết thúc) | Cá nhân, tổ chức chủ trì* | Dự kiến kinh phí |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| (1)        | (2)                                                                          | (3)              | (4)                           | (5)                       | (6)              |
| <b>1</b>   | <b>Nội dung 1</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 1.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 1.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |
| <b>2</b>   | <b>Nội dung 2</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 2.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 2.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |
| <b>...</b> | <b>Nội dung n</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc n.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc n.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |

\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 20

## III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

### 22. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

| Số TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Dự kiến nơi công bố<br>(Tạp chí, Nhà xuất bản) | Ghi chú |
|-------|--------------|--------------------------|------------------------------------------------|---------|
| (1)   | (2)          | (3)                      | (4)                                            | (5)     |
| 1     |              |                          |                                                |         |
| 2     |              |                          |                                                |         |
| ...   |              |                          |                                                |         |

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình,...*); Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác.

| TT  | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------|---------|
| (1) | (2)          | (3)                      | (4)     |
| 1   |              |                          |         |
| 2   |              |                          |         |
| ... |              |                          |         |

**Dạng III:** Mẫu (*model, maket*); Sản phẩm (*là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường*); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác.

| Số TT | Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm | Đơn vị đo | Mức chất lượng |                                                |          | Dự kiến số lượng/ quy mô sản phẩm tạo ra |
|-------|-----------------------------------------------------------------|-----------|----------------|------------------------------------------------|----------|------------------------------------------|
|       |                                                                 |           | Cần đạt        | Mẫu tương tự<br>(Theo các tiêu chuẩn mới nhất) |          |                                          |
|       |                                                                 |           |                | Trong nước                                     | Thế giới |                                          |
| (1)   | (2)                                                             | (3)       | (4)            | (5)                                            | (6)      | (7)                                      |
| 1     |                                                                 |           |                |                                                |          |                                          |
| 2     |                                                                 |           |                |                                                |          |                                          |
| ...   |                                                                 |           |                |                                                |          |                                          |

**Dạng IV:** Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng

| TT  | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------|---------|
| (1) | (2)          | (3)                      | (4)     |
| 1   |              |                          |         |
| 2   |              |                          |         |
| ... |              |                          |         |

## 22.1. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

| TT  | Cấp đào tạo | Số lượng | Chuyên ngành đào tạo | Ghi chú |
|-----|-------------|----------|----------------------|---------|
| (1) | (2)         | (3)      | (4)                  | (5)     |
|     |             |          |                      |         |
|     |             |          |                      |         |

**22.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng I & II) so với các sản phẩm tương tự hiện có** (*Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài*)

**22.3. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng III) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** (*Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài*)

**23. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu**

**23.1. Khả năng về thị trường** (*Nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường*)

**23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh** (*Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm*)

**23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm**

**23.4. Mô tả phương thức chuyển giao**

(*Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...*)

**24. Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài**

**25. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

**25.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**

(*Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong tỉnh và trong nước*)

**25.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**

**25.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

(*Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh*

tế - xã hội và môi trường)

.....  
**26. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

**26.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)

.....  
b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

.....  
c. Thuê thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê |
|-----|------------------|------------------------------|----------------|
| 1   |                  |                              |                |
| 2   |                  |                              |                |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|------------------------------|
| 1   |                  |                              |
| 2   |                  |                              |

**26.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

**V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**  
(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| 27 | Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi                             |         |                                                    |                              |                   |                        |          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------|
|    | Nguồn kinh phí                                                                | Tổng số | Trong đó                                           |                              |                   |                        |          |
|    |                                                                               |         | Chi thù lao thực hiện đề tài + chuyên gia (nếu có) | Nguyên, vật liệu, năng lượng | Thiết bị, máy móc | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | Chi khác |
| 1  | 2                                                                             | 3       | 4                                                  | 5                            | 6                 | 7                      | 8        |
|    | <b>Tổng kinh phí</b>                                                          |         |                                                    |                              |                   |                        |          |
|    | <i>Trong đó:</i>                                                              |         |                                                    |                              |                   |                        |          |
| 1  | Ngân sách nhà nước:<br>a. Kinh phí khoán chi:<br>b. Kinh phí không khoán chi: |         |                                                    |                              |                   |                        |          |
| 2  | Nguồn ngoài ngân sách nhà nước                                                |         |                                                    |                              |                   |                        |          |

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Chữ ký, họ và tên)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề tài**  
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>3</sup>**  
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

-----  
<sup>3</sup> Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt



**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung các khoản chi <sup>8</sup> | Tổng kinh phí | Nguồn vốn <sup>9</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|-------------------------------------|---------------|------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                     |               | Ngân sách nhà nước     |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                     |               | Tổng số                |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                     |               | Kinh phí               | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                   | 3             | 4=(6+8+10)             | 5=(7+9+11)                        | 6            | 7                                 | 8           | 9                                 | 10         | 11                                | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| 1     | Chi thù lao thực hiện đề tài        |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 2     | Thuê chuyên gia                     |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | - Trong tỉnh<br>- Trong nước        |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 3     | Nguyên, vật liệu, năng lượng        |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>8</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

<sup>9</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt



**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Chức danh</b>                                                     | <b>Tổng số<br/>người</b> | <b>Số tháng<br/>quy đổi</b> | <b>Tổng kinh phí (triệu đồng)</b> |                                     |
|------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
|                  |                                                                      |                          |                             | <b>Ngân sách nhà nước</b>         | <b>Ngoài ngân sách<br/>nhà nước</b> |
| 1                | Chủ nhiệm đề tài                                                     |                          |                             |                                   |                                     |
| 2                | Thành viên chính                                                     |                          |                             |                                   |                                     |
| 3                | Thành viên                                                           |                          |                             |                                   |                                     |
| 4                | Thư ký khoa học                                                      |                          |                             |                                   |                                     |
| 5                | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ                                      |                          |                             |                                   |                                     |
| 6                | Lao động phổ thông hỗ trợ các công<br>việc trong nội dung nghiên cứu |                          |                             |                                   |                                     |
| <b>Cộng:</b>     |                                                                      |                          |                             |                                   |                                     |

## DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                   | Hệ số lao động khoa học                                                                                                                       | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề tài | Nguồn vốn <sup>11</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               | Ngân sách nhà nước      |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               | Tổng số                 | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                                                                                                                                                    | 3                                                                                                                                             | 4                             | 5                                           | 6                                        | 7=3x5x6                       | 8                       | 9            | 10          | 11         | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| I     | <b>Xây dựng thuyết minh đề tài</b>                                                                                                                   | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | <b>Thù lao của chủ nhiệm đề tài:</b><br>( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )                                                      |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | <b>Thù lao của thư ký khoa học:</b><br>( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )                                                       |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| II    | <b>Nội dung nghiên cứu</b>                                                                                                                           |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1     | <b>Nội dung 1:...</b><br>Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện                                                                        |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1.1   | <b>Công việc 1.1:...</b><br>Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          | ....                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>11</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

[illegible]

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề tài | Nguồn vốn <sup>11</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                         |                               |                                             |                                          |                               | Ngân sách nhà nước      |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                         |                               |                                             |                                          |                               | Tổng số                 | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 2     | <b>Nội dung 2:...</b><br>Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)                                                                                                                                                                                                              |                         |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2.1   | <b>Công việc 2.1:...</b><br><i>Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi</i> |                         |                               |                                             |                                          | ....                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Thành viên chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0,8                     | 1                             | 32                                          | 1                                        | 25,6                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |

[illegible]

**Khoản 2. Thuê chuyên gia** *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 20 của thuyết minh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Nội dung thực hiện | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) | Mức thù lao tháng theo hợp đồng | Kinh phí |                    |                          |
|-------|----------------------------|---------------|--------------------|-------------------------------------|---------------------------------|----------|--------------------|--------------------------|
|       |                            |               |                    |                                     |                                 | Tổng     | Ngân sách nhà nước | Ngoài ngân sách nhà nước |
| 1     | 2                          | 4             | 5                  | 6                                   | 7                               | 8=6x7    | 9                  | 10                       |
| I     | Chuyên gia trong nước      |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| 1     |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| ..... |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| ..... |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| II    | Chuyên gia trong tỉnh      |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| 1     |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| ..... |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| ..... |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                                         | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>13</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------|-----------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                  |           |          |         |            | Ngân sách nhà nước      |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                  |           |          |         |            | Tổng số                 |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                                                  |           |          |         |            | Kinh phí                | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                                                | 3         | 4        | 5       | 6          | 7                       | 8                                 | 9            | 10                                | 11          | 12                                | 13         | 14                                | 15                       | 16           | 17          | 18         |
| I     | Nội dung 1                                                       |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | <i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i>                        |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính. |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       |                                                                  |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| I.1   | Công việc 1.1                                                    |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 1     | Nguyên, vật liệu                                                 |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>13</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt

[illegible]



| Số TT | Nội dung | Đơn vị đo      | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>13</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|----------|----------------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |          |                |          |         |            | Ngân sách nhà nước      |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |          |                |          |         |            | Tổng số                 |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |          |                |          |         |            | Kinh phí                | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2        | 3              | 4        | 5       | 6          | 7                       | 8                                 | 9            | 10                                | 11          | 12                                | 13         | 14                                | 15                       | 16           | 17          | 18         |
| 1.1   | ...      |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| ...   | ...      |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 4     | Nước     | m <sup>3</sup> |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| ...   | ...      |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| Cộng  |          |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật do... ban hành tại các văn bản... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại mục g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

#### Khoản 4. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                                     | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn          |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|------------|--------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                              |          |         |            | Ngân sách nhà nước |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                              |          |         |            | Tổng               | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng                     | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                                                                            | 3        | 4       | 5          | 6                  | 7            | 8           | 9          | 10                       | 11           | 12          | 13         |
| I     | Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài <sup>14</sup> |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| II    | Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến                            |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| III   | Khấu hao thiết bị <sup>2</sup>                                               |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| VI    | Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)                             |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| IV    | Thiết bị công nghệ mua mới                                                   |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| V     | Vận chuyển lắp đặt                                                           |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| VI    | Bảo dưỡng, sửa chữa                                                          |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| Cộng  |                                                                              |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>14</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

<sup>15</sup> Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

### Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

| Số<br>TT | Nội dung <sup>161</sup>                                | Kinh<br>phí | Nguồn vốn          |                 |                |               |                          |                 |                |               |
|----------|--------------------------------------------------------|-------------|--------------------|-----------------|----------------|---------------|--------------------------|-----------------|----------------|---------------|
|          |                                                        |             | Ngân sách nhà nước |                 |                |               | Ngoài ngân sách nhà nước |                 |                |               |
|          |                                                        |             | Tổng               | Năm<br>thứ nhất | Năm<br>thứ hai | Năm<br>thứ ba | Tổng                     | Năm thứ<br>nhất | Năm<br>thứ hai | Năm<br>thứ ba |
| 1        | 2                                                      | 3           | 4                  | 5               | 6              | 7             | 8                        | 9               | 10             | 11            |
| 1        | Chi phí xây dựng..... m <sup>2</sup> nhà<br>xưởng, PTN |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 2        | Chi phí sửa chữa..... m <sup>2</sup> nhà<br>xưởng, PTN |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 3        | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước                    |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 4        | Chi phí khác                                           |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
|          | <b>Cộng:</b>                                           |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |

<sup>16</sup> Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

## Khoản 6. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

**THUYẾT MINH<sup>1</sup>**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI****1. Tên đề tài**

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

**2. Loại đề tài:**

☐ Độc lập

☐ Khác

**3. Thời gian thực hiện:**..... tháng (Từ tháng ...../20... đến tháng ...../20...)

**4. Cấp quản lý:** Tỉnh ☐

**5. Tổng kinh phí thực hiện:**..... triệu đồng, trong đó:

| Nguồn                               | Kinh phí (triệu đồng) |
|-------------------------------------|-----------------------|
| - Từ ngân sách nhà nước             |                       |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước |                       |

**6. Đề nghị phương thức khoán chi:**

|                                                       |                                                     |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng | <input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: |
|                                                       | - Kinh phí khoán:..... triệu đồng                   |
|                                                       | - Kinh phí không khoán:..... triệu đồng             |

**7. Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh nghề nghiệp<sup>31</sup>:..... Chức vụ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

**8. Thư ký khoa học của đề tài**

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

<sup>3</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐  
Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....  
Chức danh nghề nghiệp:..... Chức vụ.....  
Điện thoại:..... E-mail:.....  
Tên tổ chức đang công tác:.....  
Địa chỉ tổ chức:.....

### **9. Tổ chức chủ trì đề tài**

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....  
Mã số tổ chức:.....  
Điện thoại:.....  
Website:.....  
Địa chỉ:.....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....  
Số tài khoản:..... tại kho bạc Nhà nước.....  
Ngân hàng:.....

### **10. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)**

**10.1. Tên tổ chức 1:**.....  
Mã số tổ chức:.....  
Điện thoại:.....  
Địa chỉ:.....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....  
Tên cơ quan chủ quản:.....

**10.2. Tên tổ chức 2:**.....  
Mã số tổ chức:.....  
Điện thoại:.....  
Địa chỉ:.....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....  
Tên cơ quan chủ quản:.....

### **11. Thành viên thực hiện đề tài**

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

| TT  | Họ và tên,<br>học hàm, học vị | Chức danh thực hiện<br>đề tài <sup>4</sup> | Tổ chức công tác |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------|------------------|
| 1   |                               | Chủ nhiệm đề tài                           |                  |
| 2   |                               | Thư ký khoa học                            |                  |
| 3   |                               | Thành viên chính                           |                  |
| ... |                               | Thành viên chính                           |                  |

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

**12. Mục tiêu của đề tài** (*Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng*)

.....

### 13. Tình trạng của đề tài

- ☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  
☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**14. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài**

#### 14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

(*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài tỉnh có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*)

.....

**14.2. Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

(*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hóa mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài*)

.....

**15. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong tỉnh và trong nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**

(*tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những tài liệu đã được trích dẫn*)

.....

### 16. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

(*xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài tỉnh thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21*)

.....

<sup>4</sup> Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ liệt kê chủ nhiệm đề tài, thư ký khoa học và các thành viên chính.

**Nội dung 1:**.....

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

.....

**Nội dung 2:**.....

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

.....

**Nội dung 3:**.....

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

.....

### **17. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:**

*(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)*

- Suru tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/điều tra thực tế trong tỉnh (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát trong nước (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
- .....

### **18. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

**Cách tiếp cận:**.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

.....

.....

### **19. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

### **20. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

.....

.....

.....

## 21. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

### 21.1. Thuê chuyên gia trong tỉnh

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| 2     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| ....  |                            |               |                     |                                                 |                                     |

### 21.2. Thuê chuyên gia trong nước

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| 2     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| ....  |                            |               |                     |                                                 |                                     |

## 22. Tiến độ thực hiện

|          | Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu | Kết quả phải đạt | Thời gian (bắt đầu, kết thúc) | Cá nhân, tổ chức chủ trì* | Dự kiến kinh phí |
|----------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| (1)      | (2)                                                                          | (3)              | (4)                           | (5)                       | (6)              |
| <b>1</b> | <b>Nội dung 1</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|          | - Công việc 1.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|          | - Công việc 1.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|          | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |

|     |                   |  |  |  |  |
|-----|-------------------|--|--|--|--|
| 2   | <b>Nội dung 2</b> |  |  |  |  |
|     | - Công việc 2.1   |  |  |  |  |
|     | - Công việc 2.2   |  |  |  |  |
|     | .....             |  |  |  |  |
| ... | <b>Nội dung n</b> |  |  |  |  |
|     | - Công việc n.1   |  |  |  |  |
|     | - Công việc n.2   |  |  |  |  |
|     | .....             |  |  |  |  |

\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 21

### III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

#### 23. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

| Số TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Dự kiến nơi công bố<br>(Tạp chí, Nhà xuất bản) | Ghi chú |
|-------|--------------|--------------------------|------------------------------------------------|---------|
| (1)   | (2)          | (3)                      | (4)                                            | (5)     |
| 1     |              |                          |                                                |         |
| 2     |              |                          |                                                |         |
| ...   |              |                          |                                                |         |

**Dạng II:** Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

| TT  | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------|---------|
| (1) | (2)          | (3)                      | (4)     |
| 1   |              |                          |         |
| 2   |              |                          |         |
| ... |              |                          |         |

#### 24. Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

##### 24.1. Lợi ích của đề tài:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối

với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài tỉnh)

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

#### **24.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

**25. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

**25.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án b, c, d hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê |
|-----|------------------|------------------------------|----------------|
| 1   |                  |                              |                |
| 2   |                  |                              |                |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|------------------------------|
| 1   |                  |                              |
| 2   |                  |                              |

**25.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

#### **IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

| 26 | Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi                             |         |                                                |                              |                   |                        |          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------|
|    | Nguồn kinh phí                                                                | Tổng số | Trong đó                                       |                              |                   |                        |          |
|    |                                                                               |         | Thù lao thực hiện đề tài + chuyên gia (nếu có) | Nguyên, vật liệu, năng lượng | Thiết bị, máy móc | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | Chi khác |
| 1  | 2                                                                             | 3       | 4                                              | 5                            | 6                 | 7                      | 8        |
|    | <b>Tổng kinh phí</b>                                                          |         |                                                |                              |                   |                        |          |
|    | <i>Trong đó:</i>                                                              |         |                                                |                              |                   |                        |          |
| 1  | Ngân sách nhà nước:<br>a. Kinh phí khoán chi:<br>b. Kinh phí không khoán chi: |         |                                                |                              |                   |                        |          |
| 2  | Nguồn ngoài ngân sách nhà nước                                                |         |                                                |                              |                   |                        |          |

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề tài**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>3</sup>**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

-----  
<sup>3</sup> Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nội dung các khoản chi <sup>8</sup> | Tổng kinh phí | Nguồn vốn <sup>9</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|-------------------------------------|---------------|------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                     |               | Ngân sách nhà nước     |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                     |               | Tổng số                |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                     |               | Kinh phí               | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                   | 3             | 4=(6+8+10)             | 5=(7+9+11)                        | 6            | 7                                 | 8           | 9                                 | 10         | 11                                | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| 1     | Chi thù lao thực hiện đề tài        |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 2     | Thuê chuyên gia                     |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | - Trong tỉnh<br>- Trong nước        |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 3     | Nguyên, vật liệu, năng lượng        |               |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>8</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

<sup>9</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt



**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Chức danh</b>                                                     | <b>Tổng số<br/>người</b> | <b>Số tháng<br/>quy đổi</b> | <b>Tổng kinh phí (triệu đồng)</b> |                                     |
|------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
|                  |                                                                      |                          |                             | <b>Ngân sách nhà nước</b>         | <b>Ngoài ngân sách<br/>nhà nước</b> |
| 1                | Chủ nhiệm đề tài                                                     |                          |                             |                                   |                                     |
| 2                | Thành viên chính                                                     |                          |                             |                                   |                                     |
| 3                | Thành viên                                                           |                          |                             |                                   |                                     |
| 4                | Thư ký khoa học                                                      |                          |                             |                                   |                                     |
| 5                | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ                                      |                          |                             |                                   |                                     |
| 6                | Lao động phổ thông hỗ trợ các công<br>việc trong nội dung nghiên cứu |                          |                             |                                   |                                     |
| <b>Cộng:</b>     |                                                                      |                          |                             |                                   |                                     |

## DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                 | Hệ số lao động khoa học                                                                                                                       | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề tài | Nguồn vốn <sup>11</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                    |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               | Ngân sách nhà nước      |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                    |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               | Tổng số                 | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                                                                                                  | 3                                                                                                                                             | 4                             | 5                                           | 6                                        | 7=3x5x6                       | 8                       | 9            | 10          | 11         | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| I     | <b>Xây dựng thuyết minh đề tài</b>                                                                 | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       |                                                                                                    |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       |                                                                                                    |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | <b>Thù lao của chủ nhiệm đề tài:</b><br>( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )    |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | <b>Thù lao của thư ký khoa học:</b><br>( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )     |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| II    | <b>Nội dung nghiên cứu</b>                                                                         |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1     | <b>Nội dung 1:...</b><br>Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện                      |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1.1   | <b>Công việc 1.1:...</b><br>Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          | ....                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>11</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề tài | Nguồn vốn <sup>11</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                         |                               |                                             |                                          |                               | Ngân sách nhà nước      |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                         |                               |                                             |                                          |                               | Tổng số                 | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       | <i>thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.</i> |                         |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Thành viên chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0,8                     | 1                             | 32                                          | 0,55<br>(= 11/22)                        | 14,08                         |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Thành viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0,4                     | 2                             | 32                                          | 2                                        | 25,6                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề tài | Nguồn vốn <sup>11</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                         |                               |                                             |                                          |                               | Ngân sách nhà nước      |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                         |                               |                                             |                                          |                               | Tổng số                 | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       | - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0,2                     | 4                             | 32                                          | 2                                        | 12,8                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1.2   | <b>Công việc 1.2...</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                         |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2     | <b>Nội dung 2:...</b><br>Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)                                                                                                                                                                       |                         |                               |                                             |                                          |                               |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2.1   | <b>Công việc 2.1:...</b><br><i>Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc</i> |                         |                               |                                             |                                          | ....                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |

[illegible]

**Khoản 2. Thuê chuyên gia** (*dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 20 của thuyết minh*)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT     | Họ và tên, học hàm, học vị   | Thuộc tổ chức | Nội dung thực hiện | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) | Mức thù lao tháng theo hợp đồng | Kinh phí |                    |                          |
|-----------|------------------------------|---------------|--------------------|-------------------------------------|---------------------------------|----------|--------------------|--------------------------|
|           |                              |               |                    |                                     |                                 | Tổng     | Ngân sách nhà nước | Ngoài ngân sách nhà nước |
| 1         | 2                            | 4             | 5                  | 6                                   | 7                               | 8=6x7    | 9                  | 10                       |
| <b>I</b>  | <b>Chuyên gia trong nước</b> |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| 1         |                              |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| <b>II</b> | <b>Chuyên gia trong tỉnh</b> |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| 1         |                              |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                                         | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>13</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------|-----------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                  |           |          |         |            | Ngân sách nhà nước      |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                  |           |          |         |            | Tổng số                 |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                                                  |           |          |         |            | Kinh phí                | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                                                | 3         | 4        | 5       | 6          | 7                       | 8                                 | 9            | 10                                | 11          | 12                                | 13         | 14                                | 15                       | 16           | 17          | 18         |
| I     | Nội dung 1                                                       |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | <i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i>                        |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính. |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       |                                                                  |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| I.1   | Công việc 1.1                                                    |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 1     | Nguyên, vật liệu                                                 |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>13</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt

[illegible]



| Số TT | Nội dung | Đơn vị đo      | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>13</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|----------|----------------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |          |                |          |         |            | Ngân sách nhà nước      |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |          |                |          |         |            | Tổng số                 |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |          |                |          |         |            | Kinh phí                | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2        | 3              | 4        | 5       | 6          | 7                       | 8                                 | 9            | 10                                | 11          | 12                                | 13         | 14                                | 15                       | 16           | 17          | 18         |
| 1.1   | ...      |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| ...   | ...      |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 4     | Nước     | m <sup>3</sup> |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| ...   | ...      |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| Cộng  |          |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật do... ban hành tại các văn bản... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại mục g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

#### Khoản 4. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                                     | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn          |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|------------|--------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                              |          |         |            | Ngân sách nhà nước |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                              |          |         |            | Tổng               | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng                     | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                                                                            | 3        | 4       | 5          | 6                  | 7            | 8           | 9          | 10                       | 11           | 12          | 13         |
| I     | Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài <sup>14</sup> |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| II    | Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến                            |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| III   | Khấu hao thiết bị <sup>2</sup>                                               |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| VI    | Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)                             |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| IV    | Thiết bị công nghệ mua mới                                                   |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| V     | Vận chuyển lắp đặt                                                           |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| VI    | Bảo dưỡng, sửa chữa                                                          |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| Cộng  |                                                                              |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>14</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

<sup>15</sup> Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

### Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

| Số<br>TT | Nội dung <sup>161</sup>                                | Kinh<br>phí | Nguồn vốn          |                 |                |               |                          |                 |                |               |
|----------|--------------------------------------------------------|-------------|--------------------|-----------------|----------------|---------------|--------------------------|-----------------|----------------|---------------|
|          |                                                        |             | Ngân sách nhà nước |                 |                |               | Ngoài ngân sách nhà nước |                 |                |               |
|          |                                                        |             | Tổng               | Năm<br>thứ nhất | Năm<br>thứ hai | Năm<br>thứ ba | Tổng                     | Năm thứ<br>nhất | Năm<br>thứ hai | Năm<br>thứ ba |
| 1        | 2                                                      | 3           | 4                  | 5               | 6              | 7             | 8                        | 9               | 10             | 11            |
| 1        | Chi phí xây dựng..... m <sup>2</sup> nhà<br>xưởng, PTN |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 2        | Chi phí sửa chữa..... m <sup>2</sup> nhà<br>xưởng, PTN |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 3        | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước                    |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 4        | Chi phí khác                                           |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
|          | <b>Cộng:</b>                                           |             |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |

<sup>16</sup> Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

## Khoản 6. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

**THUYẾT MINH<sup>1</sup>**  
**DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN****1. Tên dự án**

- **Mã số** (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

**2. Thời gian thực hiện:**..... tháng (Từ tháng     /20... đến tháng     /20...)

**3. Cấp quản lý:** Tỉnh ☐

**4.** ☐ Dự án KH&CN

☐ Độc lập

☐ Khác

**5. Tổng vốn thực hiện dự án:**..... triệu đồng, trong đó:

| <b>Nguồn</b>                        | <b>Kinh phí (triệu đồng)</b> |
|-------------------------------------|------------------------------|
| - Từ ngân sách nhà nước             |                              |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước |                              |

**6. Đề nghị phương thức khoán chi:**

|                                                       |                                                     |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng | <input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: |
|                                                       | - Kinh phí khoán:..... triệu đồng                   |
|                                                       | - Kinh phí không khoán:..... triệu đồng             |

**7. Chủ nhiệm dự án**

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh nghề nghiệp<sup>2</sup>:..... Chức vụ.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

**8. Thư ký khoa học của dự án**

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

<sup>2</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....  
Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐  
Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....  
Chức danh nghề nghiệp:..... Chức vụ:.....  
Điện thoại:..... E-mail:.....  
Tên tổ chức đang công tác:.....  
Địa chỉ tổ chức:.....

### **9. Tổ chức chủ trì dự án**

Tên tổ chức chủ trì dự án:.....  
Mã số tổ chức:.....  
Điện thoại:.....  
Website:.....  
Địa chỉ:.....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....  
Số tài khoản:..... tại kho bạc Nhà nước.....  
Ngân hàng:.....

### **10. Tổ chức tham gia chính (nếu có)**

**10.1. Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:**.....  
Mã số tổ chức:.....  
Điện thoại:.....  
Địa chỉ:.....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....  
Tên cơ quan chủ quản:.....

**10.2. Tên tổ chức khác:**.....  
Mã số tổ chức:.....  
Điện thoại:.....  
Địa chỉ:.....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....  
Tên cơ quan chủ quản:.....  
Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án:.....

### **11. Thành viên thực hiện dự án**

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung*

*ngiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

| TT  | Họ và tên,<br>học hàm, học vị | Chức danh thực<br>hiện dự án <sup>1</sup> | Tổ chức công tác |
|-----|-------------------------------|-------------------------------------------|------------------|
| 1   |                               | Chủ nhiệm dự án                           |                  |
| 2   |                               | Thư ký khoa học                           |                  |
| 3   |                               | Thành viên chính                          |                  |
| ... |                               | Thành viên chính                          |                  |

## 12. Xuất xứ của dự án

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);
- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);
- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan);
- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]

## 13. Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án

**13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án** (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở tỉnh Lai Châu, khả năng triển khai công nghệ trong tỉnh, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

### 13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án

(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

<sup>1</sup> Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; Chi liệt kê chủ nhiệm dự án, thư ký khoa học, thành viên chính.

.....

### **13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh**

*(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT - XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo quốc phòng, an ninh...).*

.....

### **13.4. Năng lực thực hiện dự án**

*(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).*

.....

### **13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án**

*(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất - kinh doanh,...).*

.....

## **II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

### **14. Mục tiêu**

**14.1. Mục tiêu của dự án sản xuất<sup>1</sup> hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra** *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

.....

**14.2. Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm** *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

.....

### **15. Nội dung**

**15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ** *(là xuất xứ của dự án để triển khai trong dự án)*

.....

**15.2. Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ**

*(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);*

.....

**15.3. Liệt kê và mô chi tiết những công việc của từng nội dung để giải quyết những vấn đề đặt ra kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu; nội dung**

---

<sup>1</sup> Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc

**thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 16.1**

**Nội dung 1:**.....

Công việc 1.1:.....

Công việc 1.2:.....

.....

**Nội dung 2:**.....

Công việc 2.1:.....

Công việc 2.2:.....

.....

**Nội dung 3:**.....

Công việc 3.1:.....

Công việc 3.2:.....

.....

**15.4. Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật phục vụ thực hiện dự án** (Kê khai số lượng và thời gian đào tạo cho cán bộ, công nhân kỹ thuật dự kiến)

.....

## **16. Phương án triển khai**

### **16.1. Phương án thuê chuyên gia**

#### **a) Thuê chuyên gia trong tỉnh**

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| 2     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| ....  |                            |               |                     |                                                 |                                     |

#### **b) Thuê chuyên gia trong nước**

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| 2     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| ....  |                            |               |                     |                                                 |                                     |

**16.2. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện dự án** (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử

dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

**16.2.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì dự án (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

c. Thuê thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê |
|-----|------------------|------------------------------|----------------|
| 1   |                  |                              |                |
| 2   |                  |                              |                |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|------------------------------|
| 1   |                  |                              |
| 2   |                  |                              |

**16.2.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện dự án** (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

### 16.3. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có ( $m^2$ ), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

.....  
**16.4. Phương án tài chính** (*Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án*) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án;

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

**(Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)**

.....  
**16.5. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án** (*Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9*);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

## 17. Tiến độ thực hiện

|            | Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu | Kết quả phải đạt | Thời gian (bắt đầu, kết thúc) | Cá nhân, tổ chức chủ trì* | Dự kiến kinh phí |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| (1)        | (2)                                                                          | (3)              | (4)                           | (5)                       | (6)              |
| <b>1</b>   | <b>Nội dung 1</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 1.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 1.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |
| <b>2</b>   | <b>Nội dung 2</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 2.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 2.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |
| <b>...</b> | <b>Nội dung n</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc n.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc n.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |

## 18. Sản phẩm của dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong tỉnh và trong nước: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

## 19. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

**19.1. Phương thức triển khai** [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

## 19.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

## 19.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất

## III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

\* **Vốn cố định của dự án sản xuất gồm:** (i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii) Thiết bị, máy móc mua mới; (iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

\* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

\* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án**

*Đơn vị: triệu đồng*

|             | Nguồn vốn                      | Tổng cộng | Trong đó                  |                                   |                                             |                  |                             |                          |      |
|-------------|--------------------------------|-----------|---------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------|------------------|-----------------------------|--------------------------|------|
|             |                                |           | Vốn cố định               |                                   | Kinh phí hỗ trợ công nghệ + thuê chuyên gia | Vốn lưu động     |                             |                          |      |
|             |                                |           | Thiết bị, máy móc mua mới | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo |                                             | Chi phí lao động | Nguyên vật liệu, năng lượng | Thuê thiết bị, nhà xưởng | Khác |
| 1           | 2                              | 3         | 4                         | 5                                 | 6                                           | 7                | 8                           | 9                        | 10   |
| 1           | Ngân sách nhà nước             |           |                           |                                   |                                             |                  |                             |                          |      |
| 2           | Nguồn ngoài ngân sách nhà nước |           |                           |                                   |                                             |                  |                             |                          |      |
| <b>Cộng</b> |                                |           |                           |                                   |                                             |                  |                             |                          |      |

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**

(Trong thời gian thực hiện Dự án)

| 1        | Nội dung                                             | Tổng số chi phí<br>(1.000 đ) | Trong đó theo sản phẩm |   |   | Ghi chú   |
|----------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|---|---|-----------|
|          |                                                      |                              | 4                      | 5 | 6 |           |
| 2        |                                                      | 3                            |                        |   |   | 7         |
| <b>A</b> | <b>Chi phí trực tiếp</b>                             |                              |                        |   |   |           |
| 1        | Nguyên vật liệu, bao bì                              |                              |                        |   |   | Phụ lục 1 |
| 2        | Điện, nước, xăng dầu                                 |                              |                        |   |   | Phụ lục 1 |
| 3        | Chi phí lao động                                     |                              |                        |   |   | Phụ lục 6 |
| 4        | Sửa chữa, bảo trì thiết bị                           |                              |                        |   |   | Phụ lục 2 |
| 5        | Chi phí quản lý                                      |                              |                        |   |   | Phụ lục 7 |
| <b>B</b> | <b>Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định</b> |                              |                        |   |   |           |

|    | Nội dung                                                                            | Tổng số<br>chi phí<br>(1.000 đ) | Trong đó theo<br>sản phẩm |   |   | Ghi chú      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|---|---|--------------|
| 1  | 2                                                                                   | 3                               | 4                         | 5 | 6 | 7            |
| 6  | Khấu hao thiết bị cho dự án<br>- Khấu hao thiết bị cũ<br>- Khấu hao thiết bị mới    |                                 |                           |   |   | Phụ lục 2    |
| 7  | Khấu hao nhà xưởng cho dự án<br>- Khấu hao nhà xưởng cũ<br>- Khấu hao nhà xưởng mới |                                 |                           |   |   | Phụ lục 5    |
| 8  | Thuê thiết bị                                                                       |                                 |                           |   |   | Phụ lục 2    |
| 9  | Thuê nhà xưởng                                                                      |                                 |                           |   |   | Phụ lục 5    |
| 10 | Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ                                                    |                                 |                           |   |   | Phụ lục 3, 4 |
| 11 | Tiếp thị, quảng cáo                                                                 |                                 |                           |   |   | Phụ lục 7    |
| 12 | Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)                                                |                                 |                           |   |   | Phụ lục 7    |
|    | - Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):                                           |                                 |                           |   |   |              |
|    | - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:                                                      |                                 |                           |   |   |              |

**Ghi chú:**

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định*: tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ*: được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**  
(Cho thời gian thực hiện dự án)

| TT           | Tên sản phẩm | Đơn vị | Số lượng | Giá bán dự kiến<br>(1.000 đ) | Thành tiền<br>(1.000 đ) |
|--------------|--------------|--------|----------|------------------------------|-------------------------|
| 1            | 2            | 3      | 4        | 5                            | 6                       |
|              |              |        |          |                              |                         |
| <b>Cộng:</b> |              |        |          |                              |                         |

**Bảng 4. Tổng doanh thu**  
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

| TT           | Tên sản phẩm | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá<br>(1.000 đ) | Thành tiền<br>(1.000 đ) |
|--------------|--------------|--------|----------|----------------------|-------------------------|
| 1            | 2            | 3      | 4        | 5                    | 6                       |
|              |              |        |          |                      |                         |
|              |              |        |          |                      |                         |
|              |              |        |          |                      |                         |
| <b>Cộng:</b> |              |        |          |                      |                         |

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án**  
(cho 1 năm đạt 100% công suất)

| TT | Nội dung                                                         | Thành tiền<br>(1.000 đ) |
|----|------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1  | 2                                                                | 3                       |
| 1  | Tổng vốn đầu tư cho Dự án                                        |                         |
| 2  | Tổng chi phí, trong một năm                                      |                         |
| 3  | Tổng doanh thu, trong một năm                                    |                         |
| 4  | Lãi gộp (3) - (2)                                                |                         |
| 5  | Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)                  |                         |
| 6  | Khấu hao thiết bị, XD/CB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm |                         |
| 7  | Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)                          |                         |
| 8  | Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)                   |                         |
| 9  | Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)               |                         |

**Chú thích:**

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{---} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn đầu tư}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{..... \%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{..... \%};$$

## 20. Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

.....  
.....

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Chủ nhiệm dự án**

(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì dự án**

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ**

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

**Phụ lục-TMDA**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi <sup>1</sup>   | Tổng kinh phí | Nguồn vốn <sup>2</sup>          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|----|---------------------------------------|---------------|---------------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|    |                                       |               | Ngân sách nhà nước <sup>3</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|    |                                       |               | Tổng số                         |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|    |                                       |               | Kinh phí                        | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1  | 2                                     | 3             | 4                               | 5                                 | 6            | 7                                 | 8           | 9                                 | 10         | 11                                | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| 1  | Thiết bị, máy móc mua mới, thuê       |               |                                 |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 2  | Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê |               |                                 |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 3  | Chi phí hỗ trợ công nghệ              |               |                                 |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| a  | Chi phí thù lao thực hiện dự án       |               |                                 |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>1</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

<sup>2</sup> Chi dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi dự án được phê duyệt

<sup>3</sup> Trong trường hợp có nguồn ngân sách từ địa phương tách thành 2 phần: Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSDP)

[illegible]

**Phụ lục 1-TMDA**

**NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>1</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|-----------------------------------------|-----------|----------|---------|------------|------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                         |           |          |         |            | Ngân sách nhà nước     |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                         |           |          |         |            | Tổng số                |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                         |           |          |         |            | Kinh phí               | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                       | 3         | 4        | 5       | 6          | 7                      | 8                                 | 9            | 10                                | 11          | 12                                | 13         | 14                                | 15                       | 16           | 17          | 18         |
| I     | Nội dung 1                              |           |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Nguyên, vật liệu chủ yếu                |           |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Nguyên, vật liệu phụ                    |           |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       |                                         |           |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |           |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       |                                         |           |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Điện:                                   | kW/h      |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | - Điện sản xuất:                        |           |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>1</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi dự án được phê duyệt

| Số TT | Nội dung                                 | Đơn vị đo      | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>1</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------|----------------|----------|---------|------------|------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                          |                |          |         |            | Ngân sách nhà nước     |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                          |                |          |         |            | Tổng số                |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                          |                |          |         |            | Kinh phí               | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
|       | Tổng công suất thiết bị, máy móc..... kW |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       |                                          |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Nước:                                    | m <sup>3</sup> |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       |                                          |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Xăng dầu:                                |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | - Cho thiết bị sản xuất..... tấn         |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | - Cho phương tiện vận tải..... tấn       |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| ...   | ...                                      |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| Cộng  |                                          |                |          |         |            |                        |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật do... ban hành tại các văn bản... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

**Phụ lục 2-TMDA****YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC****A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)***Đơn vị: triệu đồng*

| TT           | Nội dung                                                      | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--------------|---------------------------------------------------------------|-----------|----------|---------|------------|
| 1            | 2                                                             | 3         | 4        | 5       | 6          |
| <b>I</b>     | <b>Thiết bị công nghệ</b>                                     |           |          |         |            |
| 1            | Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án |           |          |         |            |
|              | .....                                                         |           |          |         |            |
|              | .....                                                         |           |          |         |            |
| 2            | Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến             |           |          |         |            |
|              | .....                                                         |           |          |         |            |
|              | .....                                                         |           |          |         |            |
| <b>II</b>    | <b>Thiết bị thử nghiệm, đo lường</b>                          |           |          |         |            |
| 1            | Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án |           |          |         |            |
|              | .....                                                         |           |          |         |            |
|              | .....                                                         |           |          |         |            |
| 2            | Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến             |           |          |         |            |
|              | .....                                                         |           |          |         |            |
| <b>III</b>   | <b>Khấu hao thiết bị</b>                                      |           |          |         |            |
| <b>Cộng:</b> |                                                               |           |          |         |            |

## Phụ lục 2b-TMDA

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

### B. Thiết bị bổ sung mới, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

**Phụ lục 3-TMDA**

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ**

**Khoản 3a. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ**

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Chức danh</b>                | <b>Tổng số<br/>người</b> | <b>Số tháng<br/>quy đổi</b> | <b>Tổng kinh phí (triệu đồng)</b> |                                 |
|------------------|---------------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                  |                                 |                          |                             | <b>Ngân sách nhà nước</b>         | <b>Ngoài ngân sách nhà nước</b> |
| 1                | Chủ nhiệm dự án                 |                          |                             |                                   |                                 |
| 2                | Thành viên chính                |                          |                             |                                   |                                 |
| 3                | Thành viên                      |                          |                             |                                   |                                 |
| 4                | Thư ký khoa học                 |                          |                             |                                   |                                 |
| 5                | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |                          |                             |                                   |                                 |
| 6                | Lao động phổ thông              |                          |                             |                                   |                                 |
| <b>Cộng:</b>     |                                 |                          |                             |                                   |                                 |

## CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung công việc                                                                             | Hệ số lao động khoa học                                                                                                                       | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện dự án | Nguồn vốn <sup>1</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              | Ngân sách nhà nước     |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              | Tổng số                | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                                                                                              | 3                                                                                                                                             | 4                             | 5                                           | 6                                        | 7=3x5x6                      | 8                      | 9            | 10          | 11         | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| I     | <b>Xây dựng thuyết minh dự án</b>                                                              | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
|       |                                                                                                |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
|       |                                                                                                |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | <b>Thù lao của chủ nhiệm dự án:</b><br>( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ ) |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | <b>Thù lao của thư ký khoa học:</b><br>( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ ) |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
| II    | <b>Nội dung nghiên cứu</b>                                                                     |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1     | <b>Nội dung 1:...</b><br>Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện                  |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1.1   | <b>Công việc 1.1:...</b><br>Do thành viên chính<br>Nguyễn Văn A thực hiện                      |                                                                                                                                               |                               |                                             |                                          | 52,48                        |                        |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>1</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện dự án | Nguồn vốn <sup>1</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                         |                               |                                             |                                          |                              | Ngân sách nhà nước     |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                         |                               |                                             |                                          |                              | Tổng số                | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       | trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi. |                         |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Thành viên chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,8                     | 1                             | 32                                          | 0,55<br>(= 11/22)                        | 14,08                        |                        |              |             |            |                          |              |             |            |

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện dự án | Nguồn vốn <sup>1</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                         |                               |                                             |                                          |                              | Ngân sách nhà nước     |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                         |                               |                                             |                                          |                              | Tổng số                | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       | - Thành viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0,4                     | 2                             | 32                                          | 2                                        | 25,6                         |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,2                     | 4                             | 32                                          | 2                                        | 12,8                         |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1.2   | <b>Công việc 1.2...</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                         |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2     | <b>Nội dung 2:...</b><br>Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)                                                                                                                                                                                                              |                         |                               |                                             |                                          |                              |                        |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2.1   | <b>Công việc 2.1:...</b><br><i>Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi</i> |                         |                               |                                             |                                          | ....                         |                        |              |             |            |                          |              |             |            |

[illegible]

**Khoản 3b. Thuê chuyên gia** (*dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 16 của thuyết minh*)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT     | Họ và tên, học hàm, học vị   | Thuộc tổ chức | Nội dung thực hiện | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) | Mức lương tháng theo hợp đồng | Kinh phí |                    |                          |
|-----------|------------------------------|---------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------------------|----------|--------------------|--------------------------|
|           |                              |               |                    |                                     |                               | Tổng     | Ngân sách nhà nước | Ngoài ngân sách nhà nước |
| 1         | 2                            | 4             | 5                  | 6                                   | 7                             | 8=6x7    | 9                  | 10                       |
| <b>I</b>  | <b>Chuyên gia trong tỉnh</b> |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |
| 1         |                              |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |
| <b>II</b> | <b>Chuyên gia nước ngoài</b> |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |
| 1         |                              |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |
| .....     |                              |               |                    |                                     |                               |          |                    |                          |

**Phụ lục 4-TMDA**

**CHI PHÍ ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT | Nội dung đào tạo   | Chi phí | Nguồn vốn          |                          |
|----|--------------------|---------|--------------------|--------------------------|
|    |                    |         | Ngân sách nhà nước | Ngoài ngân sách nhà nước |
|    |                    |         |                    |                          |
| 1  | 2                  | 3       | 4                  | 5                        |
| 1  | Cán bộ công nghệ   |         |                    |                          |
| 2  | Công nhân vận hành |         |                    |                          |
| 3  | .....              |         |                    |                          |
|    | <b>Cộng</b>        |         |                    |                          |

Phụ lục 5-TMDA

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

| TT      | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---------|----------|-----------|----------|---------|------------|
| 1       | 2        | 3         | 4        | 5       | 6          |
| 1       |          |           |          |         |            |
| 2       |          |           |          |         |            |
|         |          |           |          |         |            |
| Cộng A: |          |           |          |         |            |

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nội dung <sup>1</sup>         | Kinh phí | Nguồn vốn          |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|-------------------------------|----------|--------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                               |          | Ngân sách nhà nước |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                               |          | Tổng               | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng                     | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                             | 3        | 4                  | 5            | 6           | 7          | 8                        | 9            | 10          | 11         |
| 1     | Xây dựng nhà xưởng mới        |          |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2     | Chi phí sửa chữa cải tạo      |          |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| 3     | Chi phí lắp đặt hệ thống điện |          |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| 4     | Chi phí lắp đặt hệ thống nước |          |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| 5     | Chi phí khác                  |          |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | Cộng:                         |          |                    |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>1</sup> Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

**Phụ lục 6-TMDA**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT    | Chức danh | Số người | Tổng số ngày | Tiền công theo ngày <sup>1</sup> | Tổng kinh phí (Tc) | Nguồn vốn          |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|-----------|----------|--------------|----------------------------------|--------------------|--------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |           |          |              |                                  |                    | Ngân sách nhà nước |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |           |          |              |                                  |                    | Tổng số            | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2         | 3        | 4            | 5                                | 6=<br>4x5xLcs      | 7                  | 8            | 9           | 10         | 11                       | 12           | 13          | 14         |
| 1     |           |          |              |                                  |                    |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2     |           |          |              |                                  |                    |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| 3     |           |          |              |                                  |                    |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| 4     |           |          |              |                                  |                    |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| Cộng: |           |          |              |                                  |                    |                    |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>1</sup> Tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo ngày được tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Mức tiền tính theo ngày được tính bằng mức lương tháng/22 ngày)

Phụ lục 7-TMDA

CHI KHÁC<sup>1</sup>

Đơn vị: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                                                  | Nguồn vốn          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                           | Ngân sách nhà nước |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                           | Tổng               |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng                     | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                                                                           | Kinh phí           | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                                                                         | 3                  | 4                                 | 5            | 6                                 | 7           | 8                                 | 9          | 10                                |                          |              |             |            |
| 1     | Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; Công tác trong tỉnh, trong nước                  |                    |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 2     | Kinh phí quản lý (bằng 4% tổng kinh phí thực hiện dự án, tối đa không quá 240 triệu đồng) |                    |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 3     | Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ                                                         |                    |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Chi phí kiểm tra nội bộ (định mức chi theo quy định hiện hành)                            |                    |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả                           |                    |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>1</sup> Định mức chi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC

[illegible]

## Phụ lục 8-TMDA

## KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

[illegible]

Phụ lục 9-TMDA

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

| TT | Tên sản phẩm | Đơn vị đo | Số lượng có thể tiêu thụ trong năm: |      |      | Chú thích |
|----|--------------|-----------|-------------------------------------|------|------|-----------|
|    |              |           | 20..                                | 20.. | 20.. |           |
| 1  | 2            | 3         | 4                                   | 5    | 6    | 7         |
|    |              |           |                                     |      |      |           |
|    |              |           |                                     |      |      |           |

II. Phương án sản phẩm

| TT | Tên sản phẩm | Đơn vị đo | Số lượng sản xuất trong năm: |      |      | Tổng số | Cơ sở tiêu thụ |
|----|--------------|-----------|------------------------------|------|------|---------|----------------|
|    |              |           | 20..                         | 20.. | 20.. |         |                |
| 1  | 2            | 3         | 4                            | 5    | 6    | 7       | 8              |
|    |              |           |                              |      |      |         |                |
|    |              |           |                              |      |      |         |                |

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

| TT | Tên sản phẩm và<br>chỉ tiêu chất lượng chủ yếu | Đơn vị<br>đo | Mức chất lượng |              |          | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------|--------------|----------------|--------------|----------|---------|
|    |                                                |              | Cần đạt        | Tương tự mẫu |          |         |
|    |                                                |              |                | Trong nước   | Thế giới |         |
| 1  | 2                                              | 3            | 4              | 5            | 6        | 7       |
|    |                                                |              |                |              |          |         |
|    |                                                |              |                |              |          |         |



## THUYẾT MINH<sup>1</sup> ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

#### 1. Tên đề án

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

#### 2. Loại đề án

☐ Độc lập

☐ Khác

#### 3. Thời gian thực hiện:..... tháng

(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

#### 4. Cấp quản lý: Tỉnh ☐

#### 5. Tổng kinh phí thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:

| Nguồn                               | Kinh phí (triệu đồng) |
|-------------------------------------|-----------------------|
| - Từ ngân sách nhà nước             |                       |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước |                       |

#### 6. Đề nghị phương thức khoán chi:

|                                                       |                                                     |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng | <input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: |
|                                                       | - Kinh phí khoán:..... triệu đồng                   |
|                                                       | - Kinh phí không khoán:..... triệu đồng             |

#### 7. Chủ nhiệm đề án

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh nghề nghiệp<sup>2</sup>:..... Chức vụ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

#### 8. Thư ký khoa học của đề án

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

<sup>2</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh nghề nghiệp:..... Chức vụ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

## **9. Tổ chức chủ trì đề án**

Tên tổ chức chủ trì đề án:.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:..... tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng:.....

## **10. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)**

**10.1. Tên tổ chức 1:**.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Tên cơ quan chủ quản.....

**10.2. Tên tổ chức 2:**.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Tên cơ quan chủ quản.....

## **11. Thành viên thực hiện đề án**

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề*

tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

| TT  | Họ và tên,<br>học hàm, học vị | Chức danh thực hiện<br>đề án <sup>3</sup> | Tổ chức công tác |
|-----|-------------------------------|-------------------------------------------|------------------|
| 1   |                               | Chủ nhiệm đề án                           |                  |
| 2   |                               | Thư ký khoa học                           |                  |
| 3   |                               | Thành viên chính                          |                  |
| ... |                               | Thành viên chính                          |                  |

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

12. Mục tiêu của đề án (Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)

.....

13. Tình trạng của đề án

- ☐ Mới
- ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
- ☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

14. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án

14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề án

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

.....

14.2. Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hóa mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề án)

.....

15. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những tài liệu đã được trích dẫn)

.....

<sup>3</sup> Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ liệt kê chủ nhiệm đề án, thư ký khoa học, thành viên chính.

## 16. Nội dung nghiên cứu của đề án:

*(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)*

**Nội dung 1:**.....

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

.....

**Nội dung 2:**.....

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

.....

**Nội dung 3:**.....

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

.....

## 17. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:

*(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)*

- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
- .....

## 18. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

**Cách tiếp cận:**

.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

**19. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: Tên đơn vị phối hợp; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

**20. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

**21. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)**

**21.1. Thuê chuyên gia trong tỉnh**

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| 2     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| ....  |                            |               |                     |                                                 |                                     |

**21.2. Thuê chuyên gia trong nước**

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| 2     |                            |               |                     |                                                 |                                     |
| ....  |                            |               |                     |                                                 |                                     |

**22. Tiến độ thực hiện**

|            | Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu | Kết quả phải đạt | Thời gian (bắt đầu, kết thúc) | Cá nhân, tổ chức chủ trì* | Dự kiến kinh phí |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| (1)        | (2)                                                                          | (3)              | (4)                           | (5)                       | (6)              |
| <b>1</b>   | <b>Nội dung 1</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 1.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 1.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |
| <b>2</b>   | <b>Nội dung 2</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 2.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc 2.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |
| <b>...</b> | <b>Nội dung n</b>                                                            |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc n.1                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | - Công việc n.2                                                              |                  |                               |                           |                  |
|            | .....                                                                        |                  |                               |                           |                  |

\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 21

### III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

#### 23. Sản phẩm KH&CN chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

| Số TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản) | Ghi chú |
|-------|--------------|--------------------------|---------------------------------------------|---------|
| (1)   | (2)          | (3)                      | (4)                                         | (5)     |
| 1     |              |                          |                                             |         |
| 2     |              |                          |                                             |         |
| ...   |              |                          |                                             |         |

**Dạng II:** Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

| TT  | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------|---------|
| (1) | (2)          | (3)                      | (4)     |
| 1   |              |                          |         |
| 2   |              |                          |         |
| ... |              |                          |         |

#### 24. Lợi ích của đề án và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

##### 24.1. Lợi ích của đề án:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài tỉnh)

.....

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

.....

## **24.2. Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....

**25. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề án** (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

**25.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê |
|-----|------------------|------------------------------|----------------|
| 1   |                  |                              |                |
| 2   |                  |                              |                |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|------------------------------|
| 1   |                  |                              |
| 2   |                  |                              |

**25.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề án** (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

## V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| 26 Kinh phí thực hiện đề án phân theo các khoản chi |                                                                             |         |                                                           |                              |                   |                        |          |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------|
|                                                     | Nguồn kinh phí                                                              | Tổng số | Trong đó                                                  |                              |                   |                        |          |
|                                                     |                                                                             |         | Thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ + chuyên gia (nếu có) | Nguyên, vật liệu, năng lượng | Thiết bị, máy móc | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | Chi khác |
| 1                                                   | 2                                                                           | 3       | 4                                                         | 5                            | 6                 | 7                      | 8        |
|                                                     | <b>Tổng kinh phí</b>                                                        |         |                                                           |                              |                   |                        |          |
|                                                     | <i>Trong đó:</i>                                                            |         |                                                           |                              |                   |                        |          |
| 1                                                   | Ngân sách nhà nước:<br>a. Kinh phí khoán chi<br>b. Kinh phí không khoán chi |         |                                                           |                              |                   |                        |          |
| 2                                                   | Nguồn ngoài ngân sách nhà nước                                              |         |                                                           |                              |                   |                        |          |

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề án**

(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề án**

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>4</sup>**

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

<sup>4</sup> Chỉ ký đóng dấu khi đề án được phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nội dung các khoản chi <sup>411</sup>           | Tổng kinh phí | Nguồn vốn <sup>522</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|-------------------------------------------------|---------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                 |               | Ngân sách nhà nước       |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                 |               | Tổng số                  |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                                 |               | Kinh phí                 | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoản chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                               | 3             | 4=(6+8+10)               | 5=(7+9+11)                        | 6            | 7                                 | 8           | 9                                 | 10         | 11                                | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| 1     | Chi thù lao thực hiện đề án                     |               |                          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 2     | Thuê chuyên gia<br>- Trong tỉnh<br>- Trong nước |               |                          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 3     | Nguyên, vật liệu, năng lượng                    |               |                          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 4     | Thiết bị, máy móc                               |               |                          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 5     | Xây dựng, sửa chữa nhỏ                          |               |                          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 6     | Chi khác                                        |               |                          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Tổng cộng                                       |               |                          |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>4</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

<sup>5</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Thù lao theo các chức danh thực hiện đề án**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

| Số TT | Chức danh                                                         | Tổng số người | Số tháng quy đổi | Tổng kinh phí (triệu đồng) |                          |
|-------|-------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|----------------------------|--------------------------|
|       |                                                                   |               |                  | Ngân sách nhà nước         | Ngoài ngân sách nhà nước |
| 1     | Chủ nhiệm đề án                                                   |               |                  |                            |                          |
| 2     | Thành viên chính                                                  |               |                  |                            |                          |
| 3     | Thành viên                                                        |               |                  |                            |                          |
| 4     | Thư ký khoa học                                                   |               |                  |                            |                          |
| 5     | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ                                   |               |                  |                            |                          |
| 6     | Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu |               |                  |                            |                          |
| Cộng: |                                                                   |               |                  |                            |                          |

## DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung công việc                                                                                                                                                       | Hệ số lao động khoa học                                                                                                                      | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề án | Nguồn vốn <sup>71</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|            |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              | Ngân sách nhà nước      |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|            |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              | Tổng số                 | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1          | 2                                                                                                                                                                        | 3                                                                                                                                            | 4                             | 5                                           | 6                                        | 7=3x5x6                      | 8                       | 9            | 10          | 11         | 12                       | 13           | 14          | 15         |
| <b>I</b>   | <b>Xây dựng thuyết minh đề án</b>                                                                                                                                        | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề án thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|            |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|            |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|            | <b>Thù lao của chủ nhiệm đề án:</b><br>( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )                                                                           |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|            | <b>Thù lao của thư ký khoa học:</b><br>( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )                                                                           |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| <b>II</b>  | <b>Nội dung nghiên cứu</b>                                                                                                                                               |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| <b>1</b>   | <b>Nội dung 1:...</b><br>Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện                                                                                            |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| <b>1.1</b> | <b>Công việc 1.1:...</b><br><i>Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với</i> |                                                                                                                                              |                               |                                             |                                          | ....                         |                         |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>7</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề án | Nguồn vốn <sup>71</sup> |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                         |                               |                                             |                                          |                              | Ngân sách nhà nước      |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                         |                               |                                             |                                          |                              | Tổng số                 | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3                       | 4                             | 5                                           | 6                                        | 7=3x5x6                      | 8                       | 9            | 10          | 11         | 12                       | 13           | 14          | 15         |
|       | <i>chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.</i> |                         |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Thành viên chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0,8                     | 1                             | 32                                          | 0,55<br>(= 11/22)                        | 14,08                        |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Thành viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0,4                     | 2                             | 32                                          | 2                                        | 25,6                         |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0,2                     | 4                             | 32                                          | 2                                        | 12,8                         |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 1.2   | <b>Công việc 1.2...</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                         |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2     | <b>Nội dung 2:...</b><br>Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                         |                               |                                             |                                          |                              |                         |              |             |            |                          |              |             |            |
| 2.1   | <b>Công việc 2.1:...</b><br>Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                         |                               |                                             |                                          | ...                          |                         |              |             |            |                          |              |             |            |

[illegible]

**Khoản 2. Thuê chuyên gia** *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Nội dung thực hiện | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) | Mức thù lao tháng theo hợp đồng | Kinh phí |                    |                          |
|-------|----------------------------|---------------|--------------------|-------------------------------------|---------------------------------|----------|--------------------|--------------------------|
|       |                            |               |                    |                                     |                                 | Tổng     | Ngân sách nhà nước | Ngoài ngân sách nhà nước |
| 1     | 2                          | 4             | 5                  | 6                                   | 7                               | 8=6x7    | 9                  | 10                       |
| I     | Chuyên gia trong tỉnh      |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| 1     |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| ..... |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| II    | Chuyên gia trong nước      |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| 1     |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
|       |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| ..... |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |
| ..... |                            |               |                    |                                     |                                 |          |                    |                          |

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                                         | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>91</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------|-----------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                  |           |          |         |            | Ngân sách nhà nước      |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                  |           |          |         |            | Tổng số                 |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                                                                  |           |          |         |            | Kinh phí                | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| 1     | 2                                                                | 3         | 4        | 5       | 6          | 7                       | 8                                 | 9            | 10                                | 11          | 12                                | 13         | 14                                | 15                       | 16           | 17          | 18         |
| I     | Nội dung 1                                                       |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | <i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i>                        |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       | Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/ thông số kỹ thuật chính |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|       |                                                                  |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| I.1   | Công việc 1.1                                                    |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 1     | Nguyên, vật liệu                                                 |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 1.1   | ...                                                              |           |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

<sup>9</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt



| Số TT | Nội dung         | Đơn vị đo      | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn <sup>91</sup> |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
|-------|------------------|----------------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                  |                |          |         |            | Ngân sách nhà nước      |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                  |                |          |         |            | Tổng số                 |                                   | Năm thứ nhất |                                   | Năm thứ hai |                                   | Năm thứ ba |                                   | Tổng số                  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|       |                  |                |          |         |            | Kinh phí                | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí     | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí    | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí   | Trong đó, khoán chi theo quy định |                          |              |             |            |
| I.2   | Công việc 1.2    |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 1     | Nguyên, vật liệu |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 1.1   | ...              |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| ...   | ...              |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| 4     | Nước             | m <sup>3</sup> |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |
| Cộng  |                  |                |          |         |            |                         |                                   |              |                                   |             |                                   |            |                                   |                          |              |             |            |

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật do... ban hành tại các văn bản... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

#### Khoản 4. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                                     | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn          |              |             |            |                          |              |             |            |
|-------|------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|------------|--------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|
|       |                                                                              |          |         |            | Ngân sách nhà nước |              |             |            | Ngoài ngân sách nhà nước |              |             |            |
|       |                                                                              |          |         |            | Tổng               | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng                     | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1     | 2                                                                            | 3        | 4       | 5          | 6                  | 7            | 8           | 9          | 10                       | 11           | 12          | 13         |
| I     | Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề án <sup>101</sup> |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| II    | Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến                            |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| III   | Khấu hao thiết bị <sup>112</sup>                                             |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| VI    | Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)                             |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| IV    | Thiết bị công nghệ mua mới                                                   |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
|       | .....                                                                        |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| V     | Vận chuyển lắp đặt                                                           |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| VI    | Bảo dưỡng, sửa chữa                                                          |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |
| Cộng  |                                                                              |          |         |            |                    |              |             |            |                          |              |             |            |

<sup>10</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

<sup>11</sup> Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

## Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

| Số<br>TT | Nội dung <sup>12</sup>                              | Kinh phí | Nguồn vốn          |                 |                |               |                          |                 |                |               |
|----------|-----------------------------------------------------|----------|--------------------|-----------------|----------------|---------------|--------------------------|-----------------|----------------|---------------|
|          |                                                     |          | Ngân sách nhà nước |                 |                |               | Ngoài ngân sách nhà nước |                 |                |               |
|          |                                                     |          | Tổng               | Năm<br>thứ nhất | Năm<br>thứ hai | Năm<br>thứ ba | Tổng                     | Năm thứ<br>nhất | Năm<br>thứ hai | Năm<br>thứ ba |
| 1        | 2                                                   | 3        | 4                  | 5               | 6              | 7             | 8                        | 9               | 10             | 11            |
| 1        | Chi phí xây dựng..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN |          |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 2        | Chi phí sửa chữa..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN |          |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 3        | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước                 |          |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
| 4        | Chi phí khác                                        |          |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |
|          | <b>Cộng:</b>                                        |          |                    |                 |                |               |                          |                 |                |               |

<sup>12</sup> Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

## Khoản 6. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN<sup>1</sup>  
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ  
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                           |                                                                                     |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>1. Tên tổ chức:</b><br>Năm thành lập:<br>Địa chỉ:<br>Website:<br>Điện thoại: E-mail:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                           |                                                                                     |  |
| <b>2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&amp;CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                           |                                                                                     |  |
| <b>3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                           |                                                                                     |  |
| <b>TT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</b> | <b>Tổng số</b>                                                                      |  |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tiến sỹ                                   |                                                                                     |  |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Thạc sỹ                                   |                                                                                     |  |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đại học                                   |                                                                                     |  |
| <b>4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                           |                                                                                     |  |
| <b>TT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</b> | <b>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b> |  |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tiến sỹ                                   |                                                                                     |  |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Thạc sỹ                                   |                                                                                     |  |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đại học                                   |                                                                                     |  |
| <b>5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&amp;CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây</b><br><i>(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&amp;CN và sản xuất kinh doanh khác,...)</i> |                                           |                                                                                     |  |
| <b>6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                           |                                                                                     |  |

<sup>1</sup> Trình bày và in trên khổ giấy A4.

**chọn/giao trực tiếp:**

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:..... triệu đồng (*văn bản chứng minh kèm theo*)

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

**KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP**

*(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)*

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**  
**CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN<sup>1</sup>**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ☐

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ: ☐

|                                                                        |                    |                                |                       |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------------|
| <b>1. Họ và tên:</b>                                                   |                    |                                |                       |
| <b>2. Ngày/tháng/năm sinh:</b>                                         |                    | <b>Nam/Nữ:</b>                 |                       |
| <b>3. Số định danh cá nhân/CCCD:</b>                                   |                    |                                |                       |
| <b>4. Học hàm:</b>                                                     |                    | <b>Năm được phong học hàm:</b> |                       |
| <b>Học vị:</b>                                                         |                    | <b>Năm đạt học vị:</b>         |                       |
| <b>5. Chức danh nghề nghiệp<sup>2,2</sup></b>                          |                    |                                |                       |
| <b>Chức vụ:</b>                                                        |                    |                                |                       |
| <b>6. Điện thoại:</b>                                                  |                    | <b>E-mail:</b>                 |                       |
| <b>7. Địa chỉ:</b>                                                     |                    |                                |                       |
| <b>8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm/thành viên chính:</b> |                    |                                |                       |
| <b>Tên tổ chức:</b>                                                    |                    |                                |                       |
| <b>Tên người Lãnh đạo:</b>                                             |                    |                                |                       |
| <b>Điện thoại:</b>                                                     |                    |                                |                       |
| <b>Địa chỉ:</b>                                                        |                    |                                |                       |
| <b>9. Quá trình đào tạo</b>                                            |                    |                                |                       |
| <b>Bậc đào tạo</b>                                                     | <b>Nơi đào tạo</b> | <b>Chuyên ngành</b>            | <b>Năm tốt nghiệp</b> |
| Đại học                                                                |                    |                                |                       |
| Thạc sỹ                                                                |                    |                                |                       |
| Tiến sỹ                                                                |                    |                                |                       |
| Sau tiến sỹ                                                            |                    |                                |                       |

<sup>1</sup> Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

<sup>2</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 10. Quá trình công tác                                                                                                                                                                                  |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| <b>Thời gian</b><br>(Từ năm... đến năm...)                                                                                                                                                              | <b>Vị trí công tác</b>                            | <b>Tổ chức công tác</b>                           | <b>Địa chỉ Tổ chức</b>                            |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| 11. Các công trình công bố chủ yếu<br>(liệt kê các công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)                                                           |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| <b>TT</b>                                                                                                                                                                                               | <b>Tên công trình</b><br>(bài báo, công trình...) | <b>Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình</b> | <b>Nơi công bố</b><br>(tên tạp chí, nhà xuất bản) | <b>Năm công bố</b>                                    |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| 12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp<br>(liệt kê các văn bằng bảo hộ: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có) |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| <b>TT</b>                                                                                                                                                                                               | <b>Tên, số, nội dung văn bằng bảo hộ</b>          |                                                   |                                                   | <b>Năm cấp văn bằng</b>                               |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| 13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn<br>(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)                                                                                                       |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| <b>TT</b>                                                                                                                                                                                               | <b>Tên công trình</b>                             | <b>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</b>         | <b>Thời gian</b>                                  |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| 14. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia<br>(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)                                                                  |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| <b>Tên nhiệm vụ KH&amp;CN đã chủ trì</b>                                                                                                                                                                |                                                   | <b>Thời gian</b><br>(bắt đầu - kết thúc)          | <b>Thuộc Chương trình</b><br>(nếu có)             | <b>Tình trạng</b><br>(đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu) |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                                   |                                                       |
| <b>Tên nhiệm vụ</b>                                                                                                                                                                                     |                                                   | <b>Thời gian</b>                                  | <b>Thuộc</b>                                      | <b>Tình trạng</b>                                     |

**15. Giải thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**  
(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đang ký - nếu có)

| TT | Hình thức và nội dung giải thưởng | Năm tặng thưởng |
|----|-----------------------------------|-----------------|
|----|-----------------------------------|-----------------|

## 16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác

(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA  
CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)  
NHIỆM VỤ KH&CN<sup>3</sup>  
(Xác nhận và đóng dấu)**

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  
**(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)**  
**NHIỆM VỤ KH&CN**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

<sup>3</sup> Nhà khoa học không thuộc tổ chức nào thì không xác nhận.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN<sup>1</sup>**

**NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi:..... (tên Bộ, ngành, địa phương)

**1. Tên nhiệm vụ KH&CN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:**

.....  
.....  
.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN

.....  
.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

.....

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

.....  
Địa chỉ.....

Điện thoại.....

**4. Nội dung công việc tham gia** trong nhiệm vụ KH&CN (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh nhiệm vụ

---

<sup>1</sup> Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

KH&CN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý đơn vị hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN.

....., ngày....tháng.... năm 20.....

**CÁ NHÂN**  
**ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN<sup>1</sup>/SẢN XUẤT  
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

|                                                                                                                                                    |                                                  |                                                                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Tên tổ chức:</b><br>Năm thành lập:<br>Địa chỉ:<br>Website:<br>Điện thoại: E-mail:                                                            |                                                  |                                                                                            |
| <b>2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&amp;CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b> |                                                  |                                                                                            |
| <b>3. Tổng số nhân sự</b>                                                                                                                          |                                                  |                                                                                            |
| - Danh sách cán bộ<br>- Trình độ chuyên môn/Bằng cấp<br>- Khả năng sản xuất - thi công.                                                            |                                                  |                                                                                            |
| <b>4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>                               |                                                  |                                                                                            |
| <b><i>TT</i></b>                                                                                                                                   | <b><i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i></b> | <b><i>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</i></b> |
| 1                                                                                                                                                  | Tiến sỹ                                          |                                                                                            |
| 2                                                                                                                                                  | Thạc sỹ                                          |                                                                                            |
| 3                                                                                                                                                  | Đại học                                          |                                                                                            |
| <b>5. Kinh nghiệm và thành tích trong 05 năm gần nhất liên quan đến lĩnh vực</b>                                                                   |                                                  |                                                                                            |

<sup>1</sup> Trình bày và in trên khổ giấy a4.

**chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp**

*(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án, công trình đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác,...)*

**6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**

- Nhà xưởng:

- Phương tiện, trang bị máy móc phục vụ nghiên cứu/sản xuất kinh doanh

- Tài sản, vật chất khác:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:..... triệu đồng *(văn bản chứng minh kèm theo)*

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP**  
*(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)*

**Biểu B1-7-CKCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN CAM KẾT**  
**Bảo vệ bí mật nhà nước của cá nhân<sup>1</sup>**

---

Họ và tên:.....  
Ngày, tháng, năm sinh:....., Số<sup>2</sup>:.....  
Quê quán:....., Quốc tịch<sup>3</sup>:.....  
Chức vụ:.....  
Đơn vị công tác:.....  
Được phân công<sup>4</sup>:.....

Tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh độ Mật do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Tôi xin cam kết như sau:

1. Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước mà tôi được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;

2. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

**Xác nhận**  
**của Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực hiện**  
**nhiệm vụ<sup>5</sup>**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

..., ngày... tháng... năm...  
**Người cam kết**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

<sup>1</sup> Áp dụng đối với của chủ nhiệm nhiệm vụ, cá nhân nước ngoài tham gia nhiệm vụ, chuyên gia tham gia Hội đồng, tổ thẩm định, tổ chuyên gia

<sup>2</sup> Ghi số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu nếu là người nước ngoài

<sup>3</sup> Chỉ ghi nếu là người nước ngoài

<sup>4</sup> Mục này ghi như sau:

- Nếu là thành viên Hội đồng/Tổ thẩm định/Tổ chuyên gia tư vấn độc lập, ghi: tham gia Hội đồng/Tổ thẩm định/Tổ chuyên gia tư vấn độc lập theo Quyết định số.../QĐ-SKHCHN ngày...tháng...năm....;

- Nếu là chủ nhiệm hoặc chuyên gia thực hiện nhiệm vụ ghi: thực hiện nhiệm vụ “Tên nhiệm vụ” với chức danh Chủ nhiệm hoặc chuyên gia;

<sup>5</sup> Mục này thực hiện như sau:

- Nếu là thành viên Hội đồng/Tổ thẩm định/Tổ chuyên gia tư vấn độc lập không cần xác nhận phần này;

- Nếu là chủ nhiệm nhiệm vụ: Ký, xác nhận và đóng dấu của tổ chức chủ trì. Việc xác nhận cần ghi rõ ý kiến về lý lịch, đạo đức của cá nhân đó;

- Nếu là người nước ngoài, ngoài việc xác nhận cá nhân đó cam kết bảo vệ bí mật nhà nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ còn phải cam kết có phương án bảo vệ bí mật nhà nước khi cá nhân này thực hiện nhiệm vụ.

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN CAM KẾT****Bảo vệ bí mật nhà nước của cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ<sup>1</sup>**

Tên nhiệm vụ:.....

Tổ chức chủ trì:.....

Chúng tôi gồm:

| TT   | Họ và tên | Quê quán | Đơn vị<br>công tác<br>hiện tại | Chức danh<br>thực hiện<br>nhiệm vụ | Số CMND/<br>CCCD | Ký<br>nhận |
|------|-----------|----------|--------------------------------|------------------------------------|------------------|------------|
| 1    |           |          |                                |                                    |                  |            |
| 2    |           |          |                                |                                    |                  |            |
| 3    |           |          |                                |                                    |                  |            |
| 4    |           |          |                                |                                    |                  |            |
| 5    |           |          |                                |                                    |                  |            |
| .... |           |          |                                |                                    |                  |            |
|      |           |          |                                |                                    |                  |            |

Chúng tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh độ Mật do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Chúng tôi xin cam kết như sau:

1. Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước mà chúng tôi được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;

2. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

**Xác nhận**  
**của Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực hiện**  
**nhiệm vụ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm...  
**Chủ nhiệm nhiệm vụ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Mẫu này áp dụng cho tất cả cá nhân người Việt Nam tham gia thực hiện nhiệm vụ trừ chủ nhiệm nhiệm vụ, chuyên gia và cá nhân người nước ngoài tham gia thực hiện nhiệm vụ;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CAM KẾT**  
**Bảo vệ bí mật nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ**

Tên tổ chức:.....

Được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ:.....

.....  
Chúng tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh độ Mật do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Chúng tôi xin cam kết như sau:

1. Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước liên quan đến nhiệm vụ được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;
2. Chỉ đạo và quản lý cán bộ, nhân viên thuộc quyền chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;
3. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

..., ngày... tháng... năm...

**Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT**  
**Bảo vệ bí mật nhà nước của tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ**

Tên tổ chức:

Tham gia phối hợp với:<sup>1</sup>..... thực hiện nhiệm vụ:.....

Chúng tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh độ Mật do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Chúng tôi xin cam kết như sau:

1. Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước liên quan đến nhiệm vụ được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;
2. Chỉ đạo và quản lý cán bộ, nhân viên thuộc quyền chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;
3. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

**Xác nhận của Thủ trưởng tổ chức chủ trì  
thực hiện nhiệm vụ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm...  
**Thủ trưởng tổ chức phối hợp  
thực hiện nhiệm vụ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

<sup>1</sup> Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ